

CỤC VIỆN THÔNG
TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG VIỆN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTĐLCL-CNMN
V/v mời báo giá cung cấp buồng thử
nhiệt độ - độ ẩm

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Kính gửi: Các Công ty/Đơn vị cung cấp buồng thử nhiệt độ - độ ẩm

Căn cứ nhu cầu đầu tư, trang bị thiết bị phục vụ công tác đo lường, kiểm tra chất lượng viễn thông, Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn thông trân trọng mời Quý Công ty/Đơn vị tham gia báo giá cung cấp các thiết bị với yêu cầu kỹ thuật như sau:

I. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Các thiết bị cần báo giá:

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Buồng thử nhiệt độ – độ ẩm lập trình được (Programmable Temperature/Humidity Chamber)	Chiếc	01

Chi tiết các yêu cầu kỹ thuật theo Phụ lục đính kèm.

2. Yêu cầu về báo giá

- Báo giá phải bao gồm: Đơn giá, thành tiền, thuế GTGT (nếu có), tổng giá trị.
- Giá tính bằng Đồng Việt Nam (VND).
- Hàng hóa mới 100%, chính hãng.
- Địa điểm giao hàng: Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn thông – số 45 Trần Lựu, phường Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh.
- Báo giá cần nêu rõ: Thời gian giao hàng, điều kiện thanh toán, thời gian bảo hành, chi phí lắp đặt – đào tạo (nếu có).
- Thời gian hiệu lực báo giá tối thiểu 90 ngày kể từ ngày báo giá.

II. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị: Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn thông.
- Địa chỉ: Tầng 26, Tòa nhà VNTA, phố Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
- Thời gian nhận báo giá: Trước 17h00 ngày 28/8/2026.

Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn thông rất mong nhận được sự quan tâm của Quý công ty/đơn vị.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để b/c);
- BP. KHTC (để p/h);
- Phòng HCTH (để p/h);
- Đăng tải Website Trung tâm
<https://tqc.gov.vn>;
- Lưu: VT, CNMN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Xuân Hải

PHỤ LỤC

YÊU CẦU KỸ THUẬT CHI TIẾT

(Kèm theo công văn số /TTĐLCL-CNMN ngày / /2026
của Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn thông)

STT	Hạng mục yêu cầu kỹ thuật
1	Kích thước bên trong: (1000 × 1000 × 1000) mm
2	Dung tích: 1000 Lít
3	Dải nhiệt độ: -70 °C ~ +100 °C
4	Dải độ ẩm: 10% RH ~ 98% RH
5	Độ đồng đều nhiệt độ (Temperature Uniformity): $\leq \pm 1,5$ °C
6	Độ ổn định nhiệt độ (Temperature Fluctuation/Constancy): $\leq \pm 1$ °C
7	Độ đồng đều độ ẩm (Humidity Uniformity): $\leq \pm 5\%$ RH
8	Độ ổn định độ ẩm (Humidity Fluctuation/Constancy): $\leq \pm 2,5\%$ RH
9	Tốc độ làm nóng: $\geq 2,5$ °C/phút (không tải)
10	Tốc độ làm lạnh: $\geq 1,5$ °C/phút (không tải)
11	Giá đặt mẫu: Tối thiểu 02 giá, làm bằng kim loại không gỉ
12	Môi chất làm lạnh: CFC free
13	Vật liệu bao bọc: Thép không gỉ
14	Đồng hồ thời gian thực: Có
15	Cửa buồng: Có khóa tự động hoặc bằng tay
16	Cổng xuyên thông: ≥ 02 cổng, ≥ 60 mm/1 cổng
17	Giao diện điều khiển: LCD, thân thiện
18	Chỉ thị, cảnh báo: Đèn/âm thanh + cảnh báo khi cửa mở
19	An toàn: Nút dừng khẩn cấp, tự động cắt nguồn khi có sự cố
20	Quan sát mẫu: Cửa trong suốt + đèn chiếu sáng
21	Điều chỉnh thăng bằng: Có khả năng điều chỉnh thăng bằng
22	Di chuyển: Có bánh xe
23	Độ ồn: ≤ 70 dBA @ 1 m
24	EMC: IEC 61000-6-2, IEC 61000-6-4 hoặc tương đương
25	Nguồn điện: 1 pha hoặc 3 pha (200–240 VAC 1 pha), 50 Hz